

Số: /SGDĐT-GDCN&GDTX

V/v hướng dẫn chấp nhận, quy đổi chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ, tin học.

*Nam Định, ngày 27 tháng 10 năm 2020*

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Nam Định.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gọi tắt là TT số 01); Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C (QĐ số 177); Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ GDĐT quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành (QĐ số 66);

Căn cứ Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ GDĐT về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ GDĐT về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC ngày 22/10/2014 của Bộ Nội vụ;

Thừa ủy quyền của UBND tỉnh tại Văn bản số 526/UBND-VP8 ngày 22/9/2017; sau khi tiếp thu ý kiến của Bộ GDĐT tại Công văn số 1581/QLCL-QLVBCC ngày 08/10/2020 và ý kiến của Sở Nội vụ tỉnh Nam Định tại Công văn số 2140/SNV-CCVC ngày 26/10/2020,

Sở GDĐT hướng dẫn tạm thời việc chấp nhận, quy đổi chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ, tin học sử dụng trong việc bổ nhiệm cán bộ quản lý; tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và các công việc khác có yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học. Cụ thể như sau:

### **1. Chấp nhận các chứng chỉ/chứng nhận năng lực, trình độ ngoại ngữ**

#### *a) Đối với tiếng Anh*

- Các chứng chỉ tiếng Anh A, B, C đã cấp theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (gọi tắt là QĐ số 30) cho các đối tượng dự thi hoặc dự khóa đào tạo triển khai trước ngày 15/01/2020 (ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ GDĐT).

- Các chứng chỉ/chứng nhận năng lực, trình độ tiếng Anh thực hành A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo Quyết định số 66 được cấp trước ngày 15/11/2017 (ngày Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành).

- Chứng chỉ/chứng nhận năng lực, trình độ tiếng Anh của 10 đơn vị được Bộ GDĐT giới thiệu tổ chức rà soát năng lực, trình độ tiếng Anh cho giáo viên<sup>1</sup>.

- Chứng chỉ tiếng Anh của các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ GDĐT cho phép<sup>2</sup>.

- Chứng chỉ/chứng nhận năng lực, trình độ tiếng Anh quốc tế TOEFL, IELTS, TOEIC, Cambridge và các chứng chỉ/chứng nhận năng lực, trình độ khác được cấp bởi các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi cấp chứng chỉ/chứng nhận được Bộ GDĐT công nhận<sup>3</sup>.

#### *b) Đối với ngoại ngữ khác*

- Chứng chỉ/chứng nhận A, B, C, A1, A2, B1, B2, C1, C2 về năng lực, trình độ ngoại ngữ được Bộ GDĐT công nhận.

- Chứng chỉ/chứng nhận quốc tế được cấp bởi các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi cấp chứng chỉ/chứng nhận được Bộ GDĐT công nhận.

### **2. Đối với năng lực ngoại ngữ theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam**

#### *a) Với các tổ chức đào tạo ngoại ngữ trong nước<sup>4</sup>*

---

<sup>1</sup>Thông báo số 826/TB-BGDĐT ngày 05/8/2011 của Bộ GDĐT có 08 đơn vị: 1. ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội, 2. ĐH Hà Nội, 3. ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng, 4. ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế, 5. ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 6. ĐH Thái Nguyên, 7. ĐH Cần Thơ, 8. Trung tâm SEAMEO RETRAC; Thông báo số 42/TB-BGDĐT ngày 11/01/2013 của Bộ GDĐT có 02 đơn vị: ĐH Sư phạm Hà Nội và ĐH Vinh.

<sup>2</sup>Tính đến ngày 26/10/2020, Bộ GDĐT cho phép 15 đơn vị đủ điều kiện được tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam gồm: 1. ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội; 2. ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng; 3. ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế; 4. ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh; 5. ĐH Sư phạm Hà Nội; 6. ĐH Hà Nội; 7. ĐH Thái Nguyên; 8. ĐH Cần Thơ (Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20/5/2019 của Bộ GDĐT); 9. ĐH Vinh (Công văn số 5110/BGDĐT-QLCL ngày 07/10/2019); 10. Học viện An ninh nhân dân (Công văn số 5615/BGDĐT-QLCL ngày 13/12/2019); 11. ĐH Sài Gòn (Công văn số 332/BGDĐT-QLCL ngày 07/02/2020); 12. ĐHNghân hàng TP. Hồ Chí Minh (Công văn số 468/BGDĐT-QLCL ngày 20/02/2020); 13. ĐH Trà Vinh (Công văn số 717/BGDĐT-QLCL ngày 06/3/2020); 14. ĐH Văn Lang (Công văn số 779/BGDĐT-QLCL ngày 13/3/2020); 15. ĐH Quy Nhơn (Công văn số 3465/BGDĐT-QLCL ngày 08/9/2020).

<sup>3</sup>Trung tâm Giáo dục quốc tế IDP (IDP education Việt Nam) và Hội đồng Anh (British Council) tổ chức thi IELTS; IIG Việt Nam tổ chức thi TOEFL và TOEIC; 30 trung tâm được ủy quyền tổ chức thi cấp chứng chỉ Cambridge English (Công văn số 1616/QLCL-QLVBCC ngày 18/7/2018).

<sup>4</sup>Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ GDĐT.

- Văn bản công nhận trình độ A theo QĐ số 177 và trình độ A1 theo QĐ số 66 có giá trị tương đương với chứng chỉ bậc 1 của Khung 6 bậc theo TT số 01.

- Văn bản công nhận trình độ B theo QĐ số 177 và trình độ A2 theo QĐ số 66 có giá trị tương đương với chứng chỉ bậc 2 của Khung 6 bậc theo TT số 01.

- Văn bản công nhận trình độ C theo QĐ số 177 và trình độ B1 theo QĐ số 66 có giá trị tương đương với chứng chỉ bậc 3 của Khung 6 bậc theo TT số 01.

- Văn bản công nhận trình độ B2 theo QĐ số 66 có giá trị tương đương với chứng chỉ bậc 4 của Khung 6 bậc theo TT số 01.

- Văn bản công nhận trình độ C1 theo QĐ số 66 có giá trị tương đương với chứng chỉ bậc 5 của Khung 6 bậc theo TT số 01.

- Văn bản công nhận trình độ C2 theo QĐ số 66 có giá trị tương đương với chứng chỉ bậc 6 của Khung 6 bậc theo TT số 01.

*b) Đối với chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ quốc tế<sup>5</sup>*

- Văn bản công nhận chứng chỉ/chứng nhận năng lực, trình độ ngoại ngữ tiếng Anh có giá trị tương đương với chứng chỉ năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR	IELTS	TOEIC	TOEIC Bridge	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Cambridge Tests		Khung NLNN 6 bậc Việt Nam
						Thang điểm cũ (trước ngày 01/02/2016)	Thang điểm mới (từ ngày 01/02/2016)	
C2	8.5	910+		100+	600+	45– 59 CPE 80–100 CAE	200 (CPE)	6
C1	7.0	850		80	550	60 – 79 CAE 80– 100 FCE	180 (CPE)	5
B2	5.5	600	90–100	61	500	60– 79 FCE 80– 100 PET	160 (CPE)	4
B1	4.0	450	76–89	42	450	45– 59 FCE 65– 79 PET 90–100 KET	140 (CPE)	3
A2		400	43–75	31	360	45– 64 PET 70 – 89 KET	120 (CPE)	2
A1		225	30–42	19		45 – 69 KET	80	1

<sup>5</sup>QĐ số 66; Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Công văn số 991/BGDĐT-QLCL ngày 15/3/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2018; Thông báo số 681/TB-BGDĐT ngày 30/5/2013 của Bộ GDĐT; Văn bản số 3762/BGDĐT-GDĐH ngày 05/6/2013 của Bộ GDĐT.

- Văn bản công nhận năng lực, trình độ ngoại ngữ một số tiếng khác có giá trị tương đương như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Khung NLNN 6 bậc Việt Nam
C2	TRKI 4	DELF C2		HSK cấp độ 6	JLPT N1	6
C1	TRKI 3	DELF C1		HSK cấp độ 5	JLPT N2	5
B2	TRKI 2	DELF B2 TCF niveau 4	B2 level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3	4
B1	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	3
A2	TBU	DELF A2 TCF niveau 2	A2	HSK cấp độ 2	JLPT N5	2
A1	TEU	DELF A1 TCF niveau 1	A1	HSK cấp độ 1		1

### 3. Đối với bằng tốt nghiệp ngoại ngữ

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về ngoại ngữ; có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam có ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài mà văn bằng đó được công nhận tại Việt Nam có giá trị tương đương như sau:

Loại bằng	Khung NLNN 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR
1. Bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ.	4	B2
2. Bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ, thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành về ngoại ngữ.	5	C1
3. Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học (không phải ngoại ngữ) do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài.	4	B2

*Chú ý: Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ thực hiện theo quy chế, quy định hiện hành.*

### 4. Chấp nhận các chứng chỉ tin học

Chứng chỉ Tin học ứng dụng A, B, C theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT, ngày 03/7/2000 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đã cấp cho các đối tượng dự thi hoặc dự khóa đào tạo triển khai trước ngày 10/8/2016 (ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ

GDĐT và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin) có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

Chứng chỉ tin học ICDL Profile Certificate của tổ chức ECDL/ICDL Foundation có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quyết định số 111/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

*Lưu ý: Các chứng chỉ tin học được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận đều có giá trị sử dụng.*

Văn bản này thay thế Công văn số 1377/SGDĐT-GDCN&TX ngày 27/10/2017 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tạm thời quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Khi Bộ GDĐT có hướng dẫn mới, Sở GDĐT sẽ căn cứ tình hình thực tế và các văn bản liên quan để sửa đổi hoặc tham mưu để sửa đổi hướng dẫn. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở GDĐT (qua phòng GDCN&GDTX) để cùng phối hợp, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh Nam Định (để báo cáo);
- Lưu: VT, GDCN&GDTX, TCCB, GDTrH.

**GIÁM ĐỐC**

**Cao Xuân Hùng**